

7. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

a) Trình tự và cách thức thực hiện:

- **Bước 1:** Trước khi thực hiện thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư kê khai trực tuyến thông tin về dự án đầu tư tại Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo địa chỉ: <http://fdi.gov.vn> hoặc <http://dautunuocngoai.gov.vn>

Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều 33 của Nghị định 118/2015/NĐ-CP.

- **Bước 2:** Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng số 01 Đinh Tiên Hoàng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Bước 3:** Nhà đầu tư nhận Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) sau thời hạn 47 ngày (35 ngày và 12 ngày làm việc) kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng.

b) Thời gian làm việc: Các ngày thứ 2 đến thứ 6 trong tuần; Sáng từ 7:30 đến 12:00, Chiều từ 13:30 đến 17:00.

Ghi chú: Trong trường hợp Nhà đầu tư ủy quyền cho người khác đi nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì người làm thủ tục nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục đăng ký đầu tư phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác và giấy tờ sau:

1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Nhà đầu tư và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc

2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

c) Thành phần hồ sơ: Hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, bao gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;
- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;
- Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư;
- Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điều b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ:

08 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 47 ngày (35 ngày và 12 ngày làm việc)

e) Cơ quan thực hiện:

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 28 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (bao gồm: (i) Dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; (ii) Dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trụ sở chính hoặc văn phòng điều hành mà nhà đầu tư đặt hoặc dự kiến đặt để thực hiện dự án tại Hải Phòng; (iii) Dự án đầu tư thực hiện đồng thời ở trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư điều chỉnh một hoặc một số nội dung trong các nội dung sau:

- Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính;
- Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;
- Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Lưu ý 1: (Khoản 5 Điều 62 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).

Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

Lưu ý 2: (Khoản 3 Điều 62 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).

Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) nhưng thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định 118/2016/NĐ-CP thuộc các trường hợp sau:

- a) Mở rộng quy mô dự án đầu tư dẫn đến dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Đầu tư;
- b) Bổ sung mục tiêu dự án đầu tư mà mục tiêu được bổ sung thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Đầu tư;
- c) Điều chỉnh dự án đầu tư trong đó có bổ sung một trong các nội dung: Đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; đề nghị Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc đề nghị sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Lưu ý 3: (Khoản 2 Điều 35 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).

Đối với trường hợp điều chỉnh các nội dung không được quy định tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định 118/2016/NĐ-CP, nhà đầu tư thực hiện thủ tục theo quy định tương ứng tại Mục 4 và/hoặc Mục 5 Bộ Thủ tục hành chính này.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).

i) Lệ phí: Không

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Được Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.